

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2019

*“V/v tranh chấp: Xin ly hôn
và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thanh Giảng
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân*

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Không
thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai T** sinh năm 1983 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 24, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn G** sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C xã H, huyện K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và lời khai tại phiên hòa giải ngày 25/01/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Chị với anh G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu sống rất hạnh phúc và sinh được 02 người con chung tên là Lê Thị K sinh ngày 10/01/2009 và Lê Văn T sinh ngày 27/07/2006. Đến năm 2015 hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống từ đó sống ly thân hơn 04 năm nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thị K sinh ngày 10/01/2009 và Lê Văn T sinh ngày 27/07/2006 và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2019 và phiên hòa giải ngày 25/01/2019 cũng như tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh Lê Văn G trình bày:

Anh G thống nhất theo lời trình bày của chị T, vào năm 2004 anh và chị Nguyễn Thị Mai T có đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sinh được 02 con chung là Lê Thị K sinh ngày 10/01/2009 và Lê Văn T sinh ngày 27/07/2006. Đến năm 2015 vợ chồng thường hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi nhau, và đã ly thân hơn 04 năm nay. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn thì anh G có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh G đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 01 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Lê Văn G yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh G không hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tại khoản 1 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại điều khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Trong quá trình chung sống chị T và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân hơn 4 năm nay, hiện anh chị không còn chung sống với nhau.

Do hôn nhân giữa chị T và anh G không có đăng ký kết hôn và chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh G.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”.

Khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định.

1. Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại điều 15 và điều 16 của luật này”.

[4] Về con chung: Chị T và anh G có 02 người con chung là Lê Thị K, sinh ngày 10/01/2009 và Lê Văn T sinh ngày 27/07/2006 chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Tại các biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 25/01/2019 hai cháu K và T đều có nguyện vọng muốn sống với chị T, anh G cũng đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh G thống nhất không cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 9; Điều 53; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mai T và anh Lê Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Giao hai cháu Lê Thị K , sinh ngày 10/01/2009 và Lê Văn T sinh ngày 27/07/2006 cho chị T nuôi dưỡng và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh G.

Bảo lưu quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cấm cản.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

2. Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007745 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho anh G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2019). Chị T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS H. Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đình Đăng